

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ liệu quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung các phụ lục kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022 (Nghị

quyết số 19/2021/NQ-HĐND) đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND).

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND, như sau:

a) Sửa đổi điểm 1.2 khoản 1 mục I phần I như sau:

“1.2. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh; Thuế giá trị gia tăng thu từ hộ gia đình và các cá nhân kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh trên địa bàn phường”.

b) Sửa đổi điểm 1.4 khoản 1 mục I phần I như sau: “Thuế thu nhập cá nhân”.

c) Sửa đổi điểm 1.8 khoản 1 mục I phần I đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND như sau:

“1.8. Thu tiền sử dụng đất”.

d) Sửa đổi điểm 1.11 khoản 1 mục I phần I như sau:

“1.11. Tiền thuê mặt đất, mặt nước”.

đ) Bổ sung điểm 1.26 khoản 1 mục I phần I như sau:

“1.26. Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà đất)”.

e) Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 mục III phần I đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND như sau:

“2.1. Thuế giá trị gia tăng thu từ hộ gia đình và các cá nhân kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh trên địa bàn xã; thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hộ gia đình và các cá nhân kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh trên địa bàn xã, phường”.

g) Bổ sung điểm 1.4 khoản 1 mục I phần II như sau:

“1.4. Các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển do cấp huyện (trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp) quản lý chuyển về cấp tỉnh quản lý theo tình hình thực tiễn và phương án sắp xếp cụ thể đối với từng nhiệm vụ, chương trình, dự án”.

h) Bổ sung điểm 2.13 khoản 2 mục I phần II như sau:

“2.13. Các nhiệm vụ chi do cấp huyện (trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp) quản lý chuyển về nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh, gồm:

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp.

Sự nghiệp y tế: hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác của trung tâm y tế khu vực, trạm y tế cấp xã.

Các nhiệm vụ chi thường xuyên còn lại do cấp huyện (trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp) quản lý chuyển về cấp tỉnh quản lý theo tình hình thực tiễn và quy định phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.”.

i) Bổ sung điểm 1.4 khoản 1 mục III phần II như sau:

“1.4. Các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển do cấp huyện (trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp) quản lý chuyển về cấp xã quản lý theo tình hình thực tiễn và phương án sắp xếp cụ thể đối với từng nhiệm vụ, chương trình, dự án (trừ các nhiệm vụ chi nêu tại điểm 1.4 khoản 1 mục I phần II)”.

k) Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2 khoản 2 mục III phần II như sau:

“Sự nghiệp khoa học và công nghệ: chi nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ và các hoạt động khoa học và công nghệ khác do cấp xã quản lý, thực hiện”.

l) Sửa đổi, bổ sung điểm 2.9 khoản 2 mục III phần II như sau:

“Chi sự nghiệp giao thông: chi sửa chữa các tuyến đường, cầu do cấp xã quản lý”.

m) Bổ sung điểm 2.13 khoản 2 mục III phần II như sau:

“2.13. Các nhiệm vụ chi do cấp huyện (trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp) quản lý chuyển về nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã, gồm:

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Giáo dục trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp cao nhất là trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học; trường tiểu học, trường mầm non.

Sự nghiệp y tế: Chi đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo Luật bảo hiểm y tế.

Các nhiệm vụ chi thường xuyên còn lại do cấp huyện (trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp) quản lý chuyển về cấp xã quản lý theo tình hình thực tiễn và quy định phân định thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. (trừ các nhiệm vụ chi nêu tại điểm 2.13 khoản 2 mục I phần II)”.

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 02 tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số khoản tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND (*chi tiết tại Biểu kèm theo Nghị quyết này*).

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm của Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND và một số cụm từ, nội dung của Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND

1. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm của Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND

a) Thay thế cụm từ “Ngân sách cấp huyện” bằng cụm từ “Ngân sách cấp xã” tại điểm c khoản 3 Điều 1.

b) Bãi bỏ cụm từ “Ngân sách cấp huyện” tại điểm e khoản 3 Điều 1.

c) Bãi bỏ điểm g khoản 3 Điều 1.

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, nội dung quy định của phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND

a) Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Cơ quan Thuế” tại điểm 1.7 khoản 1 mục I phần I đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND.

b) Thay thế cụm từ “Ngân sách cấp huyện” bằng cụm từ “Ngân sách cấp tỉnh” tại khoản 3 mục II phần I và khoản 1 mục III phần I.

c) Thay thế cụm từ “Ngân sách huyện” bằng cụm từ “Ngân sách tỉnh” tại điểm 2.14 khoản 2 mục III phần I.

d) Thay thế cụm từ “Ngân sách cấp huyện” bằng cụm từ “Ngân sách cấp xã” tại khoản 5 mục I phần II.

đ) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” tại điểm 1.1 khoản 1 mục III phần II.

e) Bãi bỏ khoản 2 mục I phần I đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND; tiêu đề, khoản 1, khoản 2 mục II phần I đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND; mục II phần II.

g) Bãi bỏ cụm từ “thị trấn” tại điểm 2.2 và 2.3 khoản 2 mục III phần I.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội

đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, Kỳ họp thứ ba mươi tám thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra và QL XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường (sau sắp xếp);
- Công báo LS, Báo và Đài PTTH LS, Cổng TTĐT tỉnh;
- Liên thông phần mềm HĐND;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

**PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHỤ LỤC 02: TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA KHOẢN THU
GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số: 16/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)		
		Tỉnh	Phường	Xã
	THU NỘI ĐỊA			
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương			
1.1	Thuế giá trị gia tăng	100		
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
1.3	Thuế tài nguyên	100		
1.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương			
2.1	Thuế giá trị gia tăng	100		
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
2.3	Thuế tài nguyên	100		
2.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
3.1	Thuế giá trị gia tăng			
-	Thu từ doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh	100		
-	Thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh trên địa bàn phường	100		
-	Thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã			100
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
3.3	Thuế tài nguyên + Thuế tiêu thụ đặc biệt			
-	Thu từ doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh	100		
-	Thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh		100	100
4	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
4.1	Thuế giá trị gia tăng	100		
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
4.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)		
		Tỉnh	Phường	Xã
4.4	Thuế tài nguyên	100		
5	Lệ phí trước bạ			
5.1	Lệ phí trước bạ nhà, đất			
-	Nhà, đất thuộc địa bàn phường	50	50	
-	Nhà đất thuộc địa bàn xã			100
5.2	Lệ phí trước bạ khác	100		
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
-	Phát sinh trên địa bàn xã, phường		100	100
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
-	Phát sinh trên địa bàn phường	50	50	
-	Phát sinh trên địa bàn xã			100
8	Thuế thu nhập cá nhân	100		
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100		
10	Thuế bảo vệ môi trường (phần ngân sách địa phương được hưởng)	100		
11	Thu phí và lệ phí			
11.1	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	Thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn		
11.2	Các khoản phí, lệ phí còn lại			
-	Cơ quan Thuế, cơ quan cấp tỉnh quản lý hoặc thu nộp	100		
-	Do các phường thu nộp		100	
-	Do các xã thu nộp			100
12	Thu tiền sử dụng đất	100		

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)		
		Tỉnh	Phường	Xã
13	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu	100		
14	Thu tiền khai thác, cho thuê tài sản nhà nước	100		
15	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	100		
16	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt và tịch thu khác			
-	Do cơ quan cấp tỉnh thực hiện	100		
-	Do các xã, phường thực hiện		100	100
17	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (phần ngân sách địa phương được hưởng)	100		
18	Các khoản huy động, đóng góp			
-	Huy động, đóng góp cho tỉnh	100		
-	Huy động, đóng góp cho các xã, phường		100	100
19	Thu từ bán tài sản nhà nước			
-	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý thu nộp	100		
-	Do các xã, phường thu nộp		100	100
20	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước			
-	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý thu nộp	100		
-	Do các xã, phường xử lý thu nộp		100	100
21	Thu từ tài sản Nhà nước giao các tổ chức kinh tế			
-	Do cơ quan cấp tỉnh giao tài sản	100		
-	Do cơ quan cấp xã, phường giao tài sản		100	100
22	Thu viện trợ			

TT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA (%)		
		Tỉnh	Phường	Xã
-	Viện trợ cho ngân sách tỉnh	100		
-	Viện trợ cho ngân sách các xã, phường		100	100
23	Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	100		
24	Các khoản thu khác			
-	Do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu nộp	100		
-	Các xã, phường quản lý thu nộp		100	100
25	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			
-	Do các xã, phường quản lý		100	100
26	Thu chuyển nguồn			
-	Ngân sách tỉnh	100		
-	Ngân sách xã, phường		100	100
27	Thu kết dư			
-	Ngân sách tỉnh	100		
-	Ngân sách xã, phường		100	100